

1. Từ nào có nghĩa là **xem lại, chỉnh sửa lại**

A. Retreat

B. Wood

C. Engine

D. Revise

2. Từ nào có nghĩa là **đãi ngộ**

A. Curtain

B. Hanger

C. Adjust

D. Retreat

3. Từ nào có nghĩa là **gấp, xếp**

A. Fold

B. Gather

C. Tray

D. Mention

4. Từ nào có nghĩa là **xe giặt ủi**

A. Consider

B. Merchandise

C. Reach

D. Laundry cart

5. Từ nào có nghĩa là **cái móc áo**

A. Hook

- B. Engine
 - C. Handrail
 - D. Hanger
6. Từ nào có nghĩa là **tựa, dựa vào**
- A. Lean against
 - B. Furniture
 - C. Itinerary
 - D. Register
7. Từ nào có nghĩa là **cắm**
- A. Plug in
 - B. Bend over
 - C. Curtain
 - D. Mount
8. Từ nào có nghĩa là **đính kèm**
- A. Prop
 - B. Attach
 - C. Proposal
 - D. Decline
9. Từ nào có nghĩa là **hàng hóa**
- A. Proposal
 - B. Furniture
 - C. Merchandise

D. Predict

10. Từ nào có nghĩa là **thu thập**

A. Prop

B. Collect

C. Utensil

D. Decline

11. Từ nào có nghĩa là **chồng, chất lên**

A. Stack

B. Curtain

C. Fold

D. Image

12. Từ nào có nghĩa là **đóng, đính**

A. Itinerary

B. Utensil

C. Guarantee

D. Mount

13. Từ nào có nghĩa là **cái khay**

A. Adjust

B. Tray

C. Hook

D. Attach

14. Từ nào có nghĩa là **cái móc áo (đính tường)**

- A. Hang
- B. Hook
- C. Representative
- D. Predict

15. Từ nào có nghĩa là **hành trình, lịch trình**

- A. Furniture
- B. Merchandise
- C. Itinerary
- D. Register

16. Từ nào có nghĩa là **hình ảnh**

- A. Hanger
- B. Inspect
- C. Image
- D. Wood

17. Từ nào có nghĩa là **hợp đồng**

- A. Utensil
- B. Inspect
- C. Contract
- D. Appear

18. Từ nào có nghĩa là **dự đoán**

- A. Predict
- B. Utensil

C. Mention

D. Lean against

19. Từ nào có nghĩa là **có vẻ, dường như**

A. Decline

B. Seem

C. Furniture

D. Become

20. Từ nào có nghĩa là **xuất hiện**

A. Inspect

B. Hanger

C. Engine

D. Appear

21. Từ nào có nghĩa là **người có vị**

A. Adjust

B. Consider

C. Smell

D. Attach

22. Từ nào có nghĩa là **nếm có vị**

A. Inspect

B. Taste

C. Proposal

D. Seem

23. Từ nào có nghĩa là **trở thành, trở nên**

- A. Representative
- B. Furniture
- C. Become
- D. Plug in

24. A number of +

- A. N_{ít}
- B. V_{pp}
- C. N_{nhiều}
- D. O